

TỈNH ỦY AN GIANG

*

Số -BC/TU

DỰ THẢO LẦN 3

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày tháng 8 năm 2025

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I,
NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

Chủ đề Đại hội: Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phát huy truyền thống đoàn kết; giữ vững quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động tối đa các nguồn lực; xây dựng tỉnh An Giang phát triển nhanh, bền vững, cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong bối cảnh tình hình thế giới biến động phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo và ngoài tầm kiểm soát như đại dịch Covid-19, xung đột chính trị, kinh tế thế giới thiếu ổn định, chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất bị đứt gãy, các hoạt động thương mại, du lịch và đầu tư bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bên cạnh đó, vẫn có nhiều thuận lợi nhờ tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế, chính trị trong nước ổn định.

Với sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát của Trung ương, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, Nhân dân và doanh nghiệp tỉnh đã phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, các chỉ tiêu cơ bản hoàn thành và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được tăng cường

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy kịp thời quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng;

tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết việc thực hiện, góp phần đưa nghị quyết vào cuộc sống. Bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, ngày càng được nâng cao; dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương.

Công tác tư tưởng tiếp tục được đổi mới, chủ động, hiệu quả; công tác tuyên truyền, định hướng dư luận được tăng cường. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có chuyển biến tích cực, góp phần tạo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Công tác xây dựng Đảng bộ về đạo đức trở thành việc làm thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tấm gương, đạo đức Bác Tôn gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 5, khóa XIII, các chuẩn mực về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, Quy định về những điều đảng viên không được làm, Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, được cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả⁽¹⁾.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá; nghiêm túc tự phê bình, khắc phục hạn chế, kiên quyết ngăn chặn, xử lý cán bộ, đảng viên suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

1.2. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được đẩy mạnh

Triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Trung ương về kết thúc hoạt động của Đảng bộ của các tỉnh trước khi hợp nhất và thành lập Đảng bộ tỉnh An Giang mới; kết thúc hoạt động đảng bộ cấp huyện và thành lập đảng bộ các xã, phường, đặc khu.

Các cấp ủy đảng nghiêm túc triển khai chủ trương, nghị quyết của Trung ương về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời, đồng bộ. Công tác cán bộ được chú trọng toàn diện, từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá, đảm bảo khách quan, minh bạch, đúng quy trình.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường; thực hiện nghiêm việc rà soát, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ và phát triển đảng viên. Phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ bốn tốt” được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Công tác phát triển đảng viên vượt chỉ tiêu nghị quyết, chú trọng chất lượng; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách.

¹ Nhiệm kỳ qua, tỉnh luôn tích cực trong biên soạn và triển khai Chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức Bác Tôn; tổ chức cho đoàn đại biểu của tỉnh thực hiện Lễ báo công dâng Bác và vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ năm 2021 đến nay, đảng bộ có 09 tập thể và 15 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 08 tập thể và 16 cá nhân được tặng bằng khen của Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; 136 tập thể và 192 cá nhân được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng bằng khen; 233 tập thể và 312 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

1.3. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã kịp thời quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Chủ động bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, tích cực triển khai thực hiện khá toàn diện các mặt công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cấp ủy địa phương, đơn vị, đổi mới việc xây dựng nghị quyết ngắn gọn, sát thực tiễn và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Công tác phối hợp trong thực hiện kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, góp phần cảnh báo, giáo dục, phòng ngừa vi phạm.

1.4. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực⁽²⁾.

Công tác phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực được chỉ đạo thực hiện ngày càng đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả, nhất là các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Việc xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được Nhân dân và xã hội đồng tình, ủng hộ; ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực thi công vụ chuyển biến tích cực hơn; kịp thời khắc phục những sơ hở, bất cập trong công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, nhất là những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường; vai trò giám sát các cơ quan dân cử được phát huy.

1.5. Đẩy mạnh công tác dân vận; tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

Cấp ủy các cấp thực hiện tốt quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị. Chính quyền các cấp triển khai nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại, phát huy quyền làm chủ của Nhân

² Gồm: (1) Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong công tác cán bộ; (2) Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; (3) Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực PCTNTC trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; (4) Quy định số 178-QĐ/TW, ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; (5) Quy định số 189-QĐ/TW, ngày 08/10/2024 về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

dân trên các lĩnh vực. Quy chế dân chủ cơ sở được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ngành, các cấp quan tâm, vận dụng sáng tạo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong chỉ đạo, điều hành. Triển khai thực hiện tốt phong trào “Dân vận khéo” đi vào chiều sâu, thiết thực. Công tác dân vận của chính quyền, lực lượng vũ trang, cơ quan nhà nước các cấp đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền; chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, từ thiện xã hội được nâng lên, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc⁽³⁾. Hoạt động góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội đi vào nề nếp, có trọng tâm, trọng điểm, tạo đồng thuận trong nội bộ và Nhân dân⁽⁴⁾.

Công tác dân tộc, tôn giáo đạt nhiều kết quả, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội với các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó mật thiết, phát huy nguồn lực, vai trò nòng cốt của các dân tộc, tôn giáo tham gia các phong trào ở địa phương.

1.6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Phương thức lãnh đạo cấp ủy đảng ngày càng khoa học, dân chủ, nêu gương, sâu sát thực tiễn, nhất là phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy. Đã kịp thời ban hành quy chế làm việc của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với các quy định mới của Trung ương và thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đề cao trách nhiệm, sự gương mẫu của từng cấp ủy viên và vai trò của các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ.

Phong cách làm việc của các cấp ủy ngày càng nề nếp, khoa học, bám sát quy chế và nguyên tắc tập trung dân chủ; kịp thời xử lý những phát sinh trên các lĩnh vực. Các ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dành thời gian nắm và chỉ đạo cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các ngành, địa phương. Gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và cán bộ, đảng viên, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, tạo sự thông suốt, nhịp nhàng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

³ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã vận động quỹ “Vì người nghèo” trên 1.216 tỷ đồng. Qua đó đã hỗ trợ xây dựng hơn 10.000 căn nhà đại đoàn kết; tặng quà tết, hỗ trợ sản xuất, học tập, mua BHYT, chữa bệnh... cho trên 120.000 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời, vận động đóng góp trên 280 tỷ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng, hiến 4.687m² đất, huy động trên 45.477 ngày công lao động để xây dựng 197 cây cầu bê tông, 312 tuyến đường giao thông nông thôn, với tổng chiều dài hàng trăm km... Ngoài ra, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp đã vận động, tiếp nhận trên 419 tỷ đồng cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 và cứu trợ người dân bị giông lốc, sạt lở bờ sông, hòa hoạn và hỗ trợ đồng bào một số tỉnh miền Trung, các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại do bão lũ gây ra...

⁴ Tổ chức trên 1.800 cuộc tiếp xúc cử tri, có trên 128.000 lượt cử tri tham dự, với trên 7.900 lượt ý kiến; tổ chức tốt các cuộc giám sát, khảo sát; phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức góp ý 413 dự thảo văn bản, chương trình, đề án của cấp ủy, chính quyền địa phương (không phải là văn bản QPPL) và 325 văn bản quy phạm pháp luật Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao; thực hiện đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, dựa vào Nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Các cơ quan tham mưu của cấp ủy chủ động, tích cực đề cao trách nhiệm và thực hiện thường xuyên, kịp thời. Các cấp ủy luôn quan tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, coi trọng công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và xã hội.

1.7. Xây dựng bộ máy chính quyền và cải cách hành chính

Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và triển khai chính quyền 02 cấp, bước đầu hoạt động ổn định. Sau hợp nhất, tỉnh An Giang (mới) có 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu.

Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy tốt vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy; quyết định các đề án, dự án, cơ chế, chính sách quang trọng; đi đôi với tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kỷ cương, minh bạch, hiệu quả. Chất lượng kỳ họp và hoạt động giám sát được nâng lên, phát huy dân chủ, tăng cường tranh luận, phản biện; được Nhân dân và cử tri đánh giá cao.

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động đổi mới phương thức quản lý, điều hành; thể hiện rõ vai trò kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp. Kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân; xây dựng và triển khai đồng bộ các kế hoạch, kịch bản phát triển kinh tế - xã hội phù hợp tình hình thực tiễn.

Cải cách hành chính được xác định là khâu đột phá và đạt nhiều kết quả tích cực. 100% cơ quan hành chính từ tỉnh đến xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; dữ liệu được kết nối, liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành Trung ương và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06). Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo, nhiều vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết căn cơ, dứt điểm.

1.8. Thực hiện tốt nhiệm vụ công tác tư pháp

Phối hợp xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp đạt chuẩn về trình độ, nghiệp vụ, chính trị; thường xuyên giáo dục, rèn luyện bản lĩnh vững vàng, năng lực và đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nâng lên năng lực điều tra, xử lý tội phạm, không để oan sai, bỏ lọt tội phạm; thực hiện đúng pháp luật về bắt, giam giữ, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Thực hiện tốt công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Quy mô nền kinh tế được mở rộng, đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,62%⁽⁵⁾; quy mô nền kinh tế tiếp tục mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng⁽⁶⁾. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GRDP chưa đạt đầy đủ kỳ vọng do tác động kéo dài của đại dịch và những bất ổn kinh tế toàn cầu, song vẫn duy trì được đà phục hồi ổn định. GRDP bình quân đầu người tăng đều qua các năm, phản ánh rõ nỗ lực cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao năng suất lao động.

Tổng thu ngân sách tăng khá, bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội. Các tiềm năng, lợi thế của địa phương từng bước được phát huy hiệu quả hơn, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, kinh tế biển, du lịch và kinh tế biên giới.

(1) Nông, lâm, thủy sản

Nông, lâm, thủy sản tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Ngành nông nghiệp được cơ cấu lại theo lợi thế từng vùng, gắn với an ninh lương thực và xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao, an toàn thực phẩm, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu nông sản. Tỉnh tích cực triển khai Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030.

Lâm nghiệp, duy trì thực hiện tốt công tác quản lý, khoanh nuôi, trồng và bảo vệ rừng, đặc biệt chú trọng phòng, chống cháy rừng và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2025, đạt 8,35%.

Thủy sản, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản; tổ chức lại ngành nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững⁽⁷⁾; chuyển dịch cơ cấu tích cực theo hướng giảm dần khai thác, tăng dần diện tích nuôi trồng; ứng dụng nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao, nuôi lồng bè, nuôi biển,... gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Sản lượng tổng sản phẩm thủy sản, ước đạt 7.438.064 tấn⁽⁸⁾, tốc độ tăng bình quân 5 năm, ước đạt 2,66%. Triển khai đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định

⁵ Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 2,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 8,27% (*Công nghiệp, tăng 9,4%*); khu vực dịch vụ tăng 7,42%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,61%.

⁶ Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành, tỷ trọng khu vực nông - lâm thủy sản năm 2020 từ 37,47% giảm còn 34,38%; khu vực công nghiệp - xây dựng năm 2020 từ 16,81% tăng lên 18,27% (*Trong đó, Công nghiệp từ 10,59% tăng lên 12,07%*); khu vực dịch vụ năm 2020 từ 40,99% tăng lên 43,07% năm 2025.

⁷ Tiếp tục cơ cấu lại đội tàu, giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, gắn với việc thực hiện có hiệu quả các dự án nuôi biển theo Đề án phát triển nuôi biển theo định hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

⁸ Trong đó: sản lượng khai thác, ước đạt 2.417.761 tấn; sản lượng nuôi trồng, ước đạt 1.333.403 tấn.

(IUU); từng bước đáp ứng các yêu cầu khắc phục “thẻ vàng” của EC, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản.

(2) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá, tiếp tục là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng chế biến, chế tạo; chú trọng phát triển các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như chế biến nông - thủy sản, thực phẩm, giày da, may mặc và vật liệu xây dựng thân thiện môi trường⁹. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, ước đạt 476.802,42 tỷ đồng¹⁰, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm khoảng 96% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

Hạ tầng khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư đồng bộ, thu hút ngày càng nhiều dự án, tạo việc làm và tăng thu ngân sách địa phương¹¹. Một số khu công nghiệp và cụm công nghiệp đi vào hoạt động ổn định, góp phần hình thành các chuỗi sản xuất - chế biến - xuất khẩu hiệu quả. Các dự án đô thị ven biển được triển khai đồng bộ, từng bước mở rộng không gian phát triển, tạo diện mạo đô thị hiện đại và văn minh.

(3) Thương mại, dịch vụ và du lịch

Thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục tăng trưởng tích cực, tổng kim ngạch xuất khẩu, ước đạt 9.967,34 triệu USD¹²; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2025, ước đạt 9,39%/năm. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như: gạo, thủy sản, hàng may mặc, giày da, nông sản chế biến tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống và từng bước mở rộng sang các thị trường tiềm năng, phản ánh năng lực sản xuất và hội nhập thị trường quốc tế ngày càng mở rộng.

Hoạt động du lịch phục hồi nhanh và phát triển mạnh, đặc biệt ở các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái, văn hóa tâm linh và nghỉ dưỡng. Tổng lượt khách du lịch ước đón trên 120,19 triệu lượt khách, trong đó: khách quốc tế ước

⁹ Tỉnh tập trung phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng thân thiện môi trường, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp và chế biến nông - thủy - hải sản; nhiều sản phẩm tăng trưởng tốt như giày da, may mặc, gỗ MDF, tôm đông lạnh. Đây mạnh công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, nâng cao giá trị lúa gạo, thủy sản, trái cây; phát triển mạnh ngành giày da, may mặc làm động lực kinh tế.

¹⁰ Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020, đạt từ 73.456,511 lên 118.002,7 tỷ đồng năm 2025.

¹¹ Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh có 11 KCN, với quy mô 1.711,47 ha, trong đó: có 06 KCN đã và đang đầu tư hạ tầng, với quy mô 699,07 ha; đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 07 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.175,45 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 21,26 ha và 01 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, với vốn đăng ký đầu tư 2.457,92 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 193,31 ha. Lũy kế đến nay, đã thu hút được 67 dự án (Trong đó: 10 dự án 100% vốn nước ngoài, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 13.654,42 tỷ đồng, tổng diện tích đất cho thuê 219,58 ha). Đối với cụm công nghiệp, tỉnh có 51 cụm công nghiệp, với diện tích 2.306 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 36.285 tỷ đồng. Trong đó, có 10 cụm công nghiệp được UBND tỉnh quyết định thành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và giao chủ trương đầu tư, với tổng diện tích là 279,35ha. Trong đó, có 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; 02 cụm công nghiệp đã được doanh nghiệp đăng ký đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó: có 23 dự án đi vào hoạt động; 04 dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng; giải quyết việc làm cho khoảng 14.256 lao động; tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đạt 94,38%.

¹² Trong đó, kim ngạch xuất khẩu năm 2025, ước đạt 2.204,399 triệu USD, tăng 56,66% so năm 2020.

đón trên 3,57 triệu lượt khách¹³, tốc độ tăng bình quân 13,58%/năm; doanh thu du lịch ước đạt 177.021 tỷ đồng, khẳng định vị thế của tỉnh trên bản đồ du lịch quốc gia và khu vực.

2.2. Phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu được đẩy mạnh

Phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu được xác định là hai trụ cột chiến lược và được tỉnh tập trung triển khai đồng bộ trong giai đoạn 2021 - 2025. Kinh tế biển có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong lĩnh vực du lịch - dịch vụ biển, nuôi trồng thủy sản và vận tải biển; hạ tầng ven biển được đầu tư ngày càng đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa đất liền với các đảo. Các sản phẩm chủ lực như du lịch biển, nuôi biển công nghệ cao và xuất khẩu thủy sản tăng trưởng mạnh, đóng góp quan trọng vào cơ cấu kinh tế vùng ven biển⁽¹⁴⁾.

Kinh tế biên mậu tiếp tục được củng cố và mở rộng, với trọng tâm là đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cửa khẩu, thu hút dự án ngoài ngân sách, phát triển dịch vụ logistics, thương mại xuyên biên giới và kinh tế cư dân. Khu kinh tế cửa khẩu An Giang được xác lập là một trong những cực tăng trưởng mới nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, góp phần thúc đẩy liên kết vùng, mở rộng thị trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới⁽¹⁵⁾.

2.3. Chú trọng lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ

Công tác quy hoạch được tỉnh tập trung triển khai đồng bộ, đảm bảo tính thống nhất, liên thông giữa quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, đô thị và sử dụng đất. Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và triển khai thực hiện, làm cơ sở định hướng chiến lược cho phát triển không gian kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên nền tảng quy hoạch đã được phê duyệt, tỉnh tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, các đô thị động lực, hành lang liên kết vùng và các khu vực có tiềm năng phát triển. Bước đầu hình thành không gian phát triển tích hợp biển - biên - nội địa, với “tam giác đô thị động lực” Phú Quốc - Hà Tiên - Rạch Giá đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng ven biển và liên kết xuyên biên giới⁽¹⁶⁾.

¹³ Trong đó, tổng lượt khách du lịch năm 2020, ước đón trên 18,28 triệu lượt khách (khách quốc tế ước đón 193.257 lượt khách) lên hơn 34,55 lượt khách năm 2025 (khách quốc tế ước đón trên 1,7 triệu lượt khách).

¹⁴ Du lịch và dịch vụ biển phát triển mạnh, khách du lịch tăng bình quân khoảng 14%/năm, doanh thu tăng 30 - 50%/năm. Hoạt động nuôi biển mở rộng với 06 dự án quy mô lớn, với tổng diện tích 3.287,8 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư 1.120 tỷ đồng, xuất khẩu thủy sản tăng 9,39%/năm. Có hơn 36 phương tiện chở khách và trên 150 phương tiện chở hàng hóa ra đảo, lượng hành khách tăng trên 8%/năm.

¹⁵ Tỉnh đã đầu tư 07 dự án bằng ngân sách nhà nước với tổng vốn là 347.630 triệu đồng, thu hút 21 dự án đầu tư ngoài ngân sách (trong đó có 01 dự án FDI) với tổng số vốn đăng ký là 1.224 tỷ đồng; trong đó có 18 dự án đi vào hoạt động, đóng góp ngân sách 2.642 tỷ đồng. Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh là 01 trong 04 hành lang kinh tế quan trọng của vùng đồng bằng Sông Cửu Long theo Quy hoạch vùng được phê duyệt.

¹⁶ Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt, tỉnh tập trung nguồn lực đầu tư 95 dự án kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng với tổng vốn khoảng 38.151 tỷ đồng, chiếm 52,43% trên tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh.

2.4. Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư, quan tâm phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh liên kết vùng

Tỉnh đã xác định xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, hiệu quả là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung cải thiện mạnh mẽ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư tiếp cận thông tin, thực hiện dự án nhanh chóng, đúng quy định. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân để triển khai thực hiện trên địa bàn.

2.5. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và quản lý nhà nước, tích cực triển khai Đề án 06 về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Nghị quyết của Chính phủ được chú trọng thực hiện. Các cấp, ngành chủ động phối hợp đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả lĩnh vực và đạt nhiều kết quả quan trọng. Cùng với những chuyển biến tích cực về chuyển đổi số trong công nghiệp chế biến, xuất khẩu, ngành y tế và giáo dục đạt nhiều thành tựu và dẫn đầu trong chuyển đổi số.

2.6. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển, bờ sông

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung quản lý đất công và các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Cung cấp nguồn cát phục vụ Dự án đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Đường Hồ Chí Minh phía Đông, các dự án phục vụ APEC theo cơ chế đặc thù được Quốc hội, Chính phủ cho phép¹⁷ và các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn. Tỉnh đã tập trung nguồn lực để thực hiện các dự án phòng chống xâm nhập mặn, chống sạt lở bờ biển, bờ sông¹⁸. Bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng và tăng độ che phủ rừng, nhất là duy trì độ che phủ rừng đầu nguồn; bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

¹⁷ Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 10 khu mỏ cát sông được Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận cho các nhà thầu thi công cao tốc được thu hồi khoáng sản theo cơ chế đặc thù và 01 khu vực nạo vét chỉnh trị dòng chảy sông Vàm Nao đang hoạt động với tổng khối lượng được cấp phép phục vụ công trình đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang - Cà Mau là 18.218.593m³.

¹⁸ Trong đó, tỉnh đã tập trung thực hiện 39 dự án với tổng số vốn 5.834.369 triệu đồng, đến nay đã hoàn thành 32 dự án, 04 dự án dự kiến hoàn thành năm 2026, 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2027.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Đầu tư phát triển văn hóa

Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người, truyền thống cách mạng của tỉnh. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, đầu tư, tôn tạo, tu bổ các di sản văn hóa được tăng cường; đã đầu tư xây dựng hoàn thành nhiều công trình văn hóa, lịch sử⁽¹⁹⁾.

3.2. Phong trào thể dục, thể thao

Phong trào thể dục, thể thao “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” thực hiện hiệu quả, tỷ lệ người dân tham gia rèn luyện sức khỏe ngày càng tăng. Thể thao thành tích cao của tỉnh tiếp tục được củng cố và giữ vững thành tích trong nước và quốc tế, đóng góp vào thành tích chung của thể thao quốc gia⁽²⁰⁾.

3.3. Giáo dục được quan tâm đầu tư gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từng bước hình thành tiền đề quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh⁽²¹⁾. Giáo dục ở vùng sâu, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc được đặc biệt quan tâm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư và ngày càng hoàn thiện, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh, đạt 60%; công tác huy động học sinh đến trường đạt kết quả cao, với tỷ lệ trẻ trong độ tuổi từ 6-14 tuổi đến trường đạt 94,58%. Hệ thống giáo dục dần hoàn thiện theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

3.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được ưu tiên hàng đầu

Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, hoàn thiện và phát triển theo định hướng chuyên khoa hóa tuyến tỉnh và y tế phổ cập tại tuyến cơ sở. Cơ sở vật chất được đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo, thiết bị y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến y tế cơ sở⁽²²⁾. Tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%. Phát triển nguồn nhân lực y tế tuyến cơ sở, 100% trạm y tế tuyến xã có bác sĩ làm việc. Thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ y tế,

¹⁹ Gồm: Tượng đài Bác Hồ tại Phú Quốc, Đền thờ Anh hùng liệt sĩ, người có công tại thành phố Phú Quốc; Đền thờ Anh hùng liệt sĩ, lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong hy sinh trên tuyến đường 1C; Khu chứng tích chiến tranh Rừng tràm Ban Biện Phú; Đền tưởng niệm các Anh hùng, liệt sĩ và người có công tỉnh tại Rạch Giá; Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy tại U Minh Thượng. Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc. Tỉnh có thêm 05 di tích cấp tỉnh, 05 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đặc biệt là năm 2024, “Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam” được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Hiện đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình UNESCO công nhận Di tích văn hóa Ốc Eo - Ba Thê là Di sản văn hóa nhân loại.

²⁰ Trong nhiệm kỳ, tỉnh đạt 04 HCV tại các giải thể thao thể giới, 12 HCV và 02 HCB tại các giải thể thao Châu Á, 25 HCV và 05 HCB tại các giải thể thao Đông Nam Á và xuất sắc giành 02 suất/16 suất của Việt Nam chính thức tham dự Olympic Paris 2024.

²¹ Duy trì và nâng chất đạt chuẩn xóa mù chữ (mức 01), phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học (mức 3), phổ cập giáo dục THCS (mức 02) được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận. Kết quả tốt nghiệp THPT hằng năm luôn đạt và vượt so với nghị quyết của tỉnh đề ra.

²² Tỉnh đã hoàn thành và đưa vào hoạt động hiệu quả công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng. Đang mở rộng khu điều trị nội trú Bệnh viện Tim mạch (cơ sở 02) quy mô 600 giường, Bệnh viện Mắt - Tai Mũi họng - Răng Hàm Mặt (quy mô 150 giường); thực hiện Dự án Bệnh viện Ung bướu tỉnh (quy mô 400 giường) và Trung tâm Y tế một số địa phương trong tỉnh.

mạng lưới hành nghề y dược tư nhân liên tục được củng cố, phát triển quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động.

3.5. Lao động, việc làm, an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả

Các chế độ, chính sách đối với người nghèo, người có công và đối tượng chính sách được quan tâm và hỗ trợ kịp thời²³; đẩy mạnh thực hiện tốt công tác giảm nghèo đa chiều bền vững. Đời sống nhân dân được cải thiện, nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 0,91%; tiếp tục triển khai, đa dạng hóa các giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42%. Các cơ sở đào tạo đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới chương trình, phương pháp, chất lượng, hiệu quả đào tạo được nâng lên. Đẩy mạnh khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo và trẻ em dưới 06 tuổi, thực hiện các mô hình giảm nghèo, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới trên toàn tỉnh. Công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tiếp tục được chú trọng và đạt tỷ lệ cao.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1. Xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia

Tập trung triển khai Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tăng cường công tác quy hoạch gắn với đầu tư xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ. Thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Tích cực đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu được triển khai thực hiện chặt chẽ, chất lượng nâng lên, góp phần giữ vững an ninh chính trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp tỉnh; hoàn thành tốt theo kế hoạch đề ra, đặc biệt diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh được Quân khu 9 đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công tác tuyển quân, tuyển sinh, giáo dục, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và Nhân dân luôn đạt, vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng.

4.2. Thực hiện có hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh

Công tác bảo vệ an ninh biên giới, an ninh trên biển, an ninh chính trị nội bộ, an ninh truyền thông, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh trong vùng tôn giáo, dân tộc và an ninh du lịch; phòng, chống tội phạm được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được những kết quả quan trọng, nhất là các địa bàn trọng điểm như Phú Quốc. Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được quan tâm chỉ đạo với nhiều biện pháp đồng bộ và kiên quyết nên tình hình tai nạn

²³ Có 99% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú; 100% xã, phường, đặc khu được công nhận làm tốt công tác thương binh.

giao thông được kiểm chế, ý thức chấp hành pháp luật về giao thông được nâng lên. Triển khai thực hiện tốt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

4.3. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng và đạt hiệu quả

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, liên kết vùng tiếp tục đẩy mạnh, thiết thực và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định vị thế của tỉnh. Các hoạt động đối ngoại của cấp ủy đảng, ngoại giao chính quyền, đối ngoại nhân dân và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội được tăng cường. Quan hệ với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới được đẩy mạnh, đi vào chiều sâu. Duy trì và phát huy tốt mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với chính quyền, cơ quan tư pháp và lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Cam-pu-chia⁽²⁴⁾; phối hợp giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra trên tuyến biên giới, vùng biển. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân.

5. Kết quả thực hiện các khâu đột phá và các chương trình trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025

5.1. Kết quả thực hiện các khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

(1) Công tác cải cách hành chính được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả tích cực

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính. Nhiều giải pháp hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được triển khai thực hiện, góp phần mang lại hiệu quả. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, công khai, minh bạch cho các nhà đầu tư, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, đảm bảo phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

(2) Tăng cường huy động, khơi thông nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại

Đa số các công trình, dự án trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành và phát huy hiệu quả. Phối hợp tốt với Bộ Xây dựng và các đơn vị có liên quan triển khai các công trình giao thông trọng điểm quốc gia qua địa bàn tỉnh⁽²⁵⁾ góp phần phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

²⁴ Tỉnh đã hoàn thành phân giới cắm mốc: 35/46 mốc chính, 92/92 mốc phụ, 63/63 cọc dấu tiếp giáp tỉnh Takeo và 152 điểm đặc trưng trên đường biên giới, phân giới được 76,39 km đường bộ và đường sông.

²⁵ Như: Cao tốc Lộ Tê (Cần Thơ) - Rạch Sỏi; dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt, Gò Quao - Vĩnh Thuận; lập đề xuất đầu tư tuyến đường bộ ven biển kết nối với tỉnh Cà Mau và nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn nút giao thị trấn Ba Hòn, Kiên Lương đến nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên; Dự án nâng cấp QL80 (Đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên); nâng cấp đoạn tuyến QL.61 (Mình Lương - Rạch Sỏi); đường bộ ven biển đoạn Rạch Giá - Hòn Đất và từ Hòn Đất - Kiên Lương,...

tỉnh. Đã thực hiện và hoàn thành nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm có tính liên kết vùng, sức lan tỏa, kết nối với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch, các trung tâm thương mại và đô thị, các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh. Các hạ tầng kỹ thuật và xã hội khác cũng được quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu của người dân.

(3) Công tác phát triển nguồn nhân lực được quan tâm, chất lượng, số lượng nhân lực trên các lĩnh vực cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng ngày càng nâng cao về trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong hoạt động của hệ thống chính trị. Nguồn nhân lực trong các đơn vị sự nghiệp, nhất là lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế tiếp tục phát triển. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tại các khu, cụm, công nghiệp và khu du lịch, trong các doanh nghiệp được quan tâm thực hiện.

5.2. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình trọng tâm của tỉnh

Các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai 05 Chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm là: (1) *Chương trình phát triển đô thị*; (2) *Chương trình phát triển nguồn nhân lực*; (3) *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*; (4) *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*; (5) *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*. Việc thực hiện có hiệu quả các Chương trình trọng tâm đã góp phần hoàn thành nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh.

6. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Có nhiều nguyên nhân để đạt được những thành tựu đã qua. Tuy nhiên, có một số nguyên nhân căn bản:

Một là, sự quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ, cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với chính quyền địa phương. Trung ương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung và của tỉnh nói riêng. Ngoài ra, nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương cũng đóng vai trò then chốt trong việc triển khai các công trình trọng điểm như hệ thống thủy lợi, đường giao thông kết nối liên vùng, các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng lực y tế, giáo dục. Việc Trung ương xác định rõ vai trò chiến lược của tỉnh trong phát triển vùng biên giới, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế biển cũng góp phần tạo cơ hội phát triển cũng như ưu tiên về nguồn lực cho tỉnh.

Hai là, sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng bộ, chính quyền, hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã bám sát nghị quyết Đại hội, chủ động cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Ba là, sự lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; đặc biệt trong giai đoạn đại dịch Covid-19, đã huy động sự chung

sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và nhân dân, giúp địa phương vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Công tác điều hành của chính quyền ngày càng quyết liệt, sâu sát, bám sát thực tiễn, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Bốn là, các cơ chế, chính sách của Trung ương được vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; công tác cải cách hành chính, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp có chuyển biến tích cực. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được tăng cường. Nhân dân đã thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết, năng động, sáng tạo, nỗ lực vượt khó, đồng hành cùng cấp ủy, chính quyền trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

II- HẠN CHẾ, TỒN TẠI TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Hạn chế, tồn tại

1.1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn là khâu yếu. Tính tiên phong, gương mẫu, ý thức trách nhiệm, sự tâm huyết của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa cao, công tác quản lý đảng viên ở một số nơi còn hạn chế. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả; một số cán bộ, công chức ngại đấu tranh với những biểu hiện sai phạm, tiêu cực; tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng chuyển biến chưa mạnh, tính chủ động, sáng tạo còn hạn chế; xuất hiện tình trạng cán bộ, đảng viên thiếu năng động, sáng tạo, sợ trách nhiệm ở một số ngành, địa phương. Trách nhiệm của người đứng đầu một số nơi chưa phát huy đúng mức. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi còn hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát còn một số mặt chưa toàn diện; công tác nắm tình hình, kiểm tra, giám sát ở một số địa bàn, lĩnh vực đôi lúc chưa kịp thời, chậm phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm, khuyết điểm. Công tác phối hợp giữa Mặt trận với chính quyền, các tổ chức thành viên có nhiều đổi mới, nhưng vẫn còn một số lĩnh vực bức xúc của Nhân dân chưa được phát hiện, giải quyết kịp thời. Một số cuộc vận động, phong trào thi đua hiệu quả chưa cao, nhân rộng điển hình còn chậm.

1.2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Một số chỉ tiêu phát triển chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội đề ra⁽²⁶⁾. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, phát triển kinh tế thiếu tính bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao, các động lực tăng trưởng mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo chưa phát huy tốt, chưa có đóng góp nhiều cho mức tăng trưởng chung của tỉnh.

Tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản có xu hướng chậm lại; những định hướng, giải pháp gia tăng giá trị sản phẩm mặc dù tích cực thực hiện nhưng chưa đạt kết quả cao. Phát triển công nghiệp chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế của địa phương. Hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch; công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; doanh thu của ngành du lịch có nơi chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Kinh tế biên mậu được quan tâm phát triển nhưng nguồn lực dành cho đầu tư hạ tầng còn hạn chế.

Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, đầu tư cho ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả. Công tác quản lý tài nguyên, đặc biệt là cát, đá xây dựng có lúc chưa chặt chẽ, dễ xảy ra sai phạm, có nơi khá nghiêm trọng. Những điểm nghẽn về tiếp cận đất đai chưa được giải quyết căn cơ, quỹ đất sạch dành cho thu hút đầu tư còn thiếu; nguồn lực đất đai chưa được giải phóng, khai thác hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội do các vướng mắc pháp lý dự án chưa có cơ chế tháo gỡ, vi phạm về quản lý và sử dụng đất đai vẫn còn xảy ra. Ô nhiễm môi trường vẫn còn ở một số nơi, nhất là rác thải ở các đặc khu và xã đảo, nhưng chưa có phương án thu gom xử lý hiệu quả, mang tính bền vững. Tình trạng sạt lở, hạn hán, thiên tai chưa được khắc phục kịp thời ở một vài nơi, ở một số thời điểm, gây ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.

1.3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Giáo dục và đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Tình trạng quá tải ở một số bệnh viện chưa được khắc phục. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, xã đảo, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân chưa đạt mức bình quân chung của cả nước⁽²⁷⁾.

Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn xu hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, công nghiệp văn hóa phát triển còn hạn chế. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội.

1.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Việc kết hợp phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh từng lúc chưa được quan tâm đúng mức. Nội dung, biện pháp xây dựng khu vực

²⁶ Gồm 03 chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng GRDP, tổng thu ngân sách nhà nước và tổng vốn đầu tư xã hội.

²⁷ Đến năm 2025 có 11 bác sĩ/vạn dân so với mức bình quân chung toàn quốc là 14 bác sĩ/vạn dân.

phòng thủ của một số địa phương chưa sát với yêu cầu. Công tác dự báo, đánh giá tình hình trên một số lĩnh vực, địa bàn có mặt chưa sâu sát, kịp thời. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từng lúc, từng nơi chưa mạnh. Công tác phòng ngừa, đấu tranh một số loại tội phạm, nhất là tội phạm hoạt động trên tuyến, địa bàn giáp ranh, trên biển có thời điểm còn hạn chế; đấu tranh với hoạt động chống phá trên không gian mạng còn khó khăn; một số loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng vẫn còn xảy ra. Tai nạn giao thông, cháy, nổ tuy được kiểm chế, kéo giảm, nhưng chưa thật sự bền vững, thiệt hại về người và tài sản vẫn còn ở mức cao; tình trạng vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng, phòng cháy, chữa cháy vẫn còn xảy ra. An ninh trật tự ở nông thôn, biên giới, vùng biển có lúc còn diễn biến phức tạp.

Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có một số mặt, có lúc, có nơi chưa theo kịp diễn biến tình hình. Công tác ngoại giao kinh tế, văn hóa chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Việc kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh chưa quyết liệt; hoạt động xúc tiến để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và việc hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp địa phương còn hạn chế.

2. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

2.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, trong nhiệm kỳ qua, dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, đã có tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt với các hoạt động nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đại dịch Covid-19 kéo dài trong gần nửa nhiệm kỳ đã gây ra nhiều tác động tiêu cực và ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hai là, tình hình kinh tế, chính trị quốc tế diễn biến phức tạp; các vấn đề an ninh phi truyền thống; xung đột địa chính trị tại một số khu vực ngày càng khó đoán định; bất ổn tại các thị trường xuất khẩu lớn, cùng với xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng và việc áp dụng các rào cản kỹ thuật khắt khe từ nhiều quốc gia nhập khẩu, đã tác động bất lợi đến xuất khẩu hàng hóa của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng. Những yếu tố này không chỉ làm giảm nhu cầu tiêu dùng toàn cầu mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Ba là, việc triển khai các dự án đầu tư công còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thiếu quỹ đất sạch, khan hiếm nguồn vật liệu xây dựng như mỏ đất đắp, mỏ cát, đá... Bên cạnh đó, một số quy định pháp luật và cơ chế, chính sách của Trung ương trong các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai... còn thiếu đồng bộ, có nội dung chồng chéo, chưa theo kịp thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và làm chậm tiến độ một số công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là, công tác phối hợp giữa một số sở, ban, ngành và địa phương có lúc, có nơi còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, nhịp nhàng; việc rà soát, tham mưu cấp có

thẩm quyền trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hai là, khả năng nhận định, đánh giá tình hình của một số cấp ủy, chính quyền chưa sát thực tế diễn ra; có lúc chưa lường trước những khó khăn, vướng mắc và tình huống phát sinh trong quá trình triển khai, dẫn đến lúng túng, bị động. Việc tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư còn chậm, thiếu quyết liệt; một số nhiệm vụ được giao chưa đảm bảo tiến độ, ảnh hưởng đến hiệu quả chỉ đạo, điều hành. Công tác quy hoạch còn một số bất cập; việc tích hợp, điều chỉnh quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành, lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển; tình trạng chồng lấn giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch hạ tầng vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và phát triển của tỉnh.

Ba là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương có lúc chưa quyết liệt, còn biểu hiện lúng túng, thiếu tập trung. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai nhiệm vụ chính trị ở một số nơi chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ và chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, năng lực lãnh đạo của một bộ phận cấp ủy; hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp và tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên có lúc, có việc chưa đáp ứng yêu cầu; tính chủ động, quyết tâm chính trị chưa cao, ảnh hưởng đến kết quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhiệm kỳ qua, mặc dù chịu tác động rất lớn từ đại dịch Covid-19 và sự bất ổn của kinh tế, chính trị thế giới, song với sự chỉ đạo sâu sát của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự điều hành linh hoạt và hiệu quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự vào cuộc mạnh mẽ và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng lòng của người dân, doanh nghiệp trong tỉnh đã vượt qua các khó khăn, thách thức, thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện luôn được đặc biệt quan tâm, nhất là xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên. Thực hiện hoàn thành sáp nhập tỉnh, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã; đồng thời thành lập các tổ chức đảng tương ứng. Vượt qua nhiều khó khăn sau đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã phục hồi tốt và có nhiều khởi sắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng thương mại, dịch vụ ngày càng tăng lên trong GRDP. Đô thị hóa phát triển mạnh ở các khu vực như Rạch Giá, Châu Đốc, Phú Quốc. Thực hiện 03 khâu đột phá chiến lược đạt kết quả tích cực, nhất là xây dựng kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư và đưa vào khai thác. Hệ thống quy hoạch cơ bản tạo ra các cơ hội, không gian phát triển mới. Các

lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và an sinh xã hội được quan tâm thường xuyên, cải thiện đáng kể về chất lượng. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, được giữ vững. Hoạt động đối ngoại được mở rộng và tăng cường.

Ngoài các kết quả tích cực nêu trên, vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định cần được khắc phục, đó là: Vẫn còn 03 chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết đề ra; còn có những cơ hội, tiềm năng của tỉnh chưa được nắm bắt và khai thác tốt; thu hút đầu tư có nơi còn khó khăn; kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định cần được khắc phục trong nhiệm kỳ tới.

2. Những bài học kinh nghiệm

Một là, bài học về luôn giữ vững nguyên tắc, quy chế làm việc của cấp ủy và hệ thống chính trị. Trước hết là nắm vững và nghiêm túc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của cấp ủy và chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

Hai là, bài học về phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Phát huy mạnh mẽ trí tuệ và trách nhiệm tập thể, đồng thời đề cao vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Trong quá trình lãnh đạo, điều hành phải thống nhất, đồng bộ, dân chủ, khoa học, cầu thị, quyết liệt, đổi mới, sáng tạo trên cơ sở tuân thủ chủ trương, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ba là, bài học về giữ vững, củng cố và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất giữa nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị. Phát huy cao độ tinh thần tiên phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, lối sống; tự phê bình và phê bình; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực; giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất nội bộ, làm cơ sở cho thực hiện đại đoàn kết trong xã hội.

Bốn là, bài học về mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước phải phục vụ Nhân dân. Kiên trì thực hiện phương châm Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Đối với những chủ trương, chính sách có quan hệ trực tiếp đến đời sống của Nhân dân, cấp ủy, chính quyền phải lắng nghe ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định.

Năm là, bài học về nhất quán thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Bám sát Nghị quyết các cấp, triển khai hiệu quả các mục tiêu phát triển của địa phương; tranh thủ sự lãnh

đạo của Trung ương và nội lực địa phương; hài hòa giữa phát triển kinh tế với gìn giữ văn hóa, truyền thống và môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại; ưu tiên bố trí các chương trình vùng biên giới, hải đảo gắn với an ninh quốc gia; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc ngay từ quy hoạch và triển khai đầu tư.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước

Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc và phân tuyến mạnh. Hòa bình, hợp tác, phát triển bị thách thức nghiêm trọng hơn. Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), chip bán dẫn, rô bốt, Internet vạn vật (IoT)... tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Các vấn đề toàn cầu, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục tác động bất lợi đến môi trường phát triển của Việt Nam.

Bối cảnh trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, đứng trước những chuyển mình mạnh mẽ. Việc tinh gọn bộ máy, hình thành chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khoa học công nghệ là thời cơ thuận lợi cho tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có mặt gay gắt, nặng nề hơn so với giai đoạn trước: Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém; nhiều điểm nghẽn, trở ngại tồn đọng từ nhiều năm trước chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để. Xu hướng già hóa dân số tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, phức tạp. Nguy cơ tụt hậu, nhất là tụt hậu về công nghệ và rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tiếp tục thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

2. Thuận lợi và thách thức

2.1. Về thuận lợi

Một là, tỉnh An Giang có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, với đường bờ biển dài 200 km và tuyến biên giới hơn 148 km giáp Vương quốc Cam-pu-chia, địa hình đa dạng, thuận lợi giao thương quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Hà Tiên và các cửa khẩu phụ; có biển Tây và đầu nguồn sông Mê Kông là đầu mối giao thương nội vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, Phnom Penh và Vịnh Thái Lan.

Hai là, không gian phát triển kinh tế được mở rộng với sự kết hợp hài hòa giữa đồng bằng, biên giới và biển đảo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế

tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực. An Giang có diện tích hơn 9.888 km² với đầy đủ các yếu tố “đồng bằng - rừng - biển”; “biên giới - nội địa” Việc hợp nhất hai địa phương giúp khai thác tốt hơn các tiềm năng và lợi thế so sánh về nông nghiệp, thủy sản nước ngọt và biên mậu, kết hợp với thế mạnh về kinh tế biển, đánh bắt - nuôi trồng thủy sản mặn lợ và du lịch biển đảo. Quy mô dân số gần 05 triệu người (đứng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long) không chỉ tạo ra thị trường tiêu dùng nội địa rộng mà còn thu hút mạnh mẽ hơn nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Ba là, các dự án hạ tầng giao thông, tạo bước “đột phá” cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng đang được tập trung đầu tư hoàn thiện sẽ mở đường và tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, các dự án kết cấu hạ tầng kết nối liên tỉnh, liên vùng, nhất là các tuyến cao tốc kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, các tuyến cao tốc “trục ngang”, “trục dọc” nội vùng... đang được đầu tư, trong đó có tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 01 sẽ hoàn thành trong năm 2026, dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận; tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; tuyến đường bộ ven biển kết nối với tỉnh Cà Mau; đường bộ ven biển đoạn Rạch Giá - Hòn Đất và từ Hòn Đất - Kiên Lương và các tuyến quan trọng khác sẽ có cơ hội đón nhận các làn sóng đầu tư mới vào tỉnh, trong đó sản xuất công nghiệp có khả năng sẽ dịch chuyển từ trung tâm sản xuất công nghiệp vùng Đông Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai) về vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó có tỉnh An Giang, cũng như kết nối chặt chẽ hơn với chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất toàn cầu. Dự báo hạ tầng du lịch, khu vui chơi, giải trí của tỉnh sẽ được tiếp tục tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện, góp phần tăng trưởng ngành du lịch và dịch vụ của tỉnh, đặc biệt là đặc khu Phú Quốc và cụm thương mại - dịch vụ - du lịch Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên - Rạch Giá.

Bốn là, các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, nhà ở, thương mại - dịch vụ đang được hoàn thiện, những hạn chế, mâu thuẫn, chông chéo trước đây từng bước được khắc phục, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng minh bạch, thông thoáng hơn, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức ngày càng cao hơn trong thực thi công vụ cũng như trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp nên sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai các dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn, từ đó đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Năm là, với vị trí chiến lược nằm trên tuyến hàng hải quốc tế và gần nhiều trung tâm kinh tế của khu vực Đông Nam Á, Đặc khu Phú Quốc có lợi thế lớn trong giao thương, du lịch và kết nối quốc tế. Cơ sở hạ tầng của đảo ngày càng được đầu tư đồng bộ và hiện đại, trong đó nổi bật là việc mở rộng sân bay quốc tế Phú Quốc, nâng công suất đón khách và mở rộng mạng lưới đường bộ, cảng biển phục vụ du lịch và logistics. Đặc biệt, sự góp mặt của các tập đoàn kinh tế lớn như Vingroup, Sun Group cùng hàng loạt thương hiệu quốc tế đã tạo ra hệ sinh thái du lịch - nghỉ dưỡng đa dạng, đẳng cấp, thu hút lượng lớn du khách trong và

ngoài nước. Bên cạnh đó, Phú Quốc đang được hưởng nhiều cơ chế ưu đãi về đầu tư, đất đai, visa... giúp thu hút các dự án quy mô lớn trong các lĩnh vực bất động sản, dịch vụ.

Sáu là, toàn bộ khu vực Tứ giác Long Xuyên tạo ra dư địa phát triển rộng lớn hơn, phát huy ưu thế và khai thác lợi thế nhờ quy mô để phát triển các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, tạo cơ hội cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số vào sản xuất.

Bảy là, tỉnh An Giang có nhiều thế mạnh nổi bật để phát triển các lĩnh vực kinh tế xanh một cách toàn diện và bền vững. Với diện tích tự nhiên rộng lớn, đa dạng địa hình từ đồng bằng, sông ngòi đến biển đảo, tỉnh có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường. Vùng Tứ giác Long Xuyên và các khu vực sản xuất lúa - thủy sản trọng điểm có thể chuyển đổi theo hướng canh tác bền vững, giảm sử dụng hóa chất và phát thải khí nhà kính. Đồng thời, với đường bờ biển dài và hệ sinh thái rừng ngập mặn phong phú, tỉnh có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển xanh như nuôi trồng thủy sản sinh thái, đánh bắt bền vững và phát triển điện gió ngoài khơi. Nguồn năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió, cũng có nhiều cơ hội phát triển tại các khu vực ven biển và hải đảo, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng sạch. Bên cạnh đó, tỉnh còn sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên, di tích văn hóa và hệ sinh thái đặc sắc như rừng tràm Trà Sư, núi Cấm, U Minh Thượng, Phú Quốc... rất thích hợp để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn thiên nhiên. Từ những lợi thế đó, An Giang hoàn toàn có thể trở thành địa phương đi đầu trong phát triển kinh tế xanh ở Đồng bằng Sông Cửu Long, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng xanh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Tám là, tỉnh An Giang có thuận lợi lớn về tài nguyên văn hóa truyền thống. Đây là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc với nhiều văn hóa đặc sắc như Kinh, Khmer, Chăm, Hoa... với những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng như lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, lễ hội Đua bò Bảy Núi, văn hóa Óc Eo - Ba Thê, nghệ thuật kiến trúc đình chùa, nhà sàn, làng nghề truyền thống, múa hát dân gian Khmer và Chăm... Những giá trị này không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc mà còn là chất liệu quý giá cho việc phát triển công nghiệp văn hóa như sản xuất phim, mỹ thuật ứng dụng, thời trang, du lịch văn hóa và tổ chức sự kiện. Phú Quốc có thể trở thành trung tâm sáng tạo văn hóa, nơi có thể phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như âm nhạc, điện ảnh, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn và thiết kế sáng tạo. Đặc biệt, du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái có thể kết hợp với truyền thông, công nghệ số để phát triển các sản phẩm trải nghiệm văn hóa độc đáo, phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước.

Chín là, tỉnh An Giang đã, đang và sẽ nhận được sự ủng hộ quan tâm, đầu tư của Trung ương là vựa lúa của cả nước, nơi đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, là địa bàn đặc biệt quan trọng khi có cả biên giới trên bộ và trên biển với Vương quốc Cam-pu-chia, có vị trí chiến lược trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, là

địa phương sở hữu nhiều giá trị văn hóa, lịch sử của quốc gia và quốc tế, những khu vực đảo chiến lược cho phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh của quốc gia.

2.2. Về thách thức

(1) Thách thức lớn nhất là việc chuyển dịch cơ cấu các khu vực kinh tế còn chậm, ngành nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng cao, trong khi đó tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng còn thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của từng ngành cũng như toàn nền kinh tế. Hơn nữa, giá trị gia tăng trong từng ngành còn khá thấp, đặc biệt ở các ngành có lợi thế như sản xuất lúa gạo, thủy sản, du lịch.

(2) Thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sạt lở bờ sông, diễn biến phức tạp, thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và các hoạt động kinh tế - xã hội của người dân. Các vùng ven biển đối mặt với xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển, thiếu nước ngọt.

(3) Đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP) cùng biến động hậu COVID-19 và căng thẳng địa chính trị đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm nông - thủy sản của tỉnh. Các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và đặc biệt là yêu cầu “xanh hóa” chuỗi sản xuất đang trở thành điều kiện bắt buộc để tiếp cận thị trường toàn cầu. An Giang đang chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm giá rẻ của các nước, đặc biệt là Thái Lan - quốc gia có lợi thế tương đồng về lúa gạo, thủy sản và du lịch. Nếu không kịp thời nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất, cải thiện hạ tầng logistics và đẩy mạnh cải cách hành chính, An Giang có nguy cơ chỉ đóng vai trò cung ứng nguyên liệu thô, bỏ lỡ cơ hội tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và thu hút các dòng vốn đầu tư chiến lược.

(4) Với biên giới đất liền và biển dài, mật độ dân cư di biến động cao, tỉnh An Giang dễ bị ảnh hưởng bởi các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Nguy cơ dịch bệnh trong nông - thủy sản và trên người đang gia tăng do biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, sản xuất nhỏ lẻ và giao thương biên giới chưa kiểm soát chặt. Các loại dịch thường xuyên tái phát, ảnh hưởng đến chuỗi sản xuất và sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, tình trạng buôn lậu, tội phạm biên giới và di cư trái phép diễn biến khó lường do địa hình sông nước phức tạp. An ninh mạng và thông tin xuyên biên giới cũng nổi lên với các luồng tin giả, kích động chia rẽ dân tộc - tôn giáo. Những nguy cơ này gây gián đoạn sản xuất - thương mại- tiêu dùng, ảnh hưởng đến thu nhập của người dân và hoạt động của doanh nghiệp, làm tăng gánh nặng quản lý nhà nước và đe dọa ổn định xã hội, có thể sẽ làm suy giảm năng lực cạnh tranh, môi trường đầu tư và khả năng phát triển bền vững trong dài hạn.

(5) Cơ cấu lại kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và bền vững, kinh tế phát thải các-bon thấp, kinh tế số và kinh tế chia sẻ là xu thế tất yếu của thời đại. Tuy vậy, với đặc thù của tỉnh có truyền thống phát triển nông nghiệp, các

mô hình kinh tế này còn mới mẻ, nên đòi hỏi cần có thời gian và nguồn lực (con người, tài nguyên thiên nhiên, tài sản, hệ thống chính trị, xã hội, thị trường...) để thực hiện. Các cơ chế đặc thù đối với những địa bàn đặc thù vẫn chưa được chú ý đủ mức.

(6) Doanh nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, trình độ công nghệ chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực tài chính hạn chế và kinh nghiệm quản lý yếu kém, bộc lộ nhiều bất cập. Thiếu cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế biển, logistics, năng lượng tái tạo, kinh tế số và chuyển đổi số.

(7) Sự dịch chuyển lao động từ An Giang đến các tỉnh, khu vực Đông Nam bộ để tìm việc làm cao, gây hạn chế, thiếu hụt nguồn lao động cho tỉnh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù ngày càng được đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ dân trí còn nhiều hạn chế nên khả năng thu hút đầu tư cho phát triển các ngành kinh tế gặp nhiều khó khăn.

(8) Nhu cầu nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình đầu tư trọng điểm của tỉnh rất lớn nhưng tiếp tục khan hiếm, chưa đáp ứng nhu cầu, chưa phát triển nguồn nguyên vật liệu thay thế đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn, kỹ thuật. Trong khi đó, do đặc điểm địa hình, địa chất đặc thù nên chi phí đầu tư xây dựng bị đẩy lên khá cao ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Nhiệm kỳ 2025 - 2030, để triển khai thành công các chủ trương, đường lối của Đảng, cần quán triệt một số quan điểm: (1) Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; đảm bảo quốc phòng - an ninh - đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên; (2) Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; (3) Phát triển tỉnh theo hướng xanh, số và hội nhập sâu, lấy chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế biên mậu và kinh tế du lịch làm động lực đổi mới mô hình tăng trưởng. Lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo làm khâu đột phá chiến lược cho sự phát triển của tỉnh; (4) Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển bảo đảm phát huy vị thế chiến lược của tỉnh với vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; (5) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; (6) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; Đặc khu Phú Quốc đạt tầm cỡ quốc tế; Rạch Giá là trung tâm chính trị - hành chính, thương mại - dịch vụ, tổng hợp và chuyên ngành;

vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Cam-pu-chia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế thuộc nhóm đầu cả nước; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại chủ động, rộng mở; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 05 năm, đạt từ 10% trở lên;
- (2) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030, đạt khoảng 6.000 đô la Mỹ;
- (3) Thu ngân sách 5 năm 2026 - 2030 đạt 145.000 - 175.000 tỷ đồng;
- (4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 từ 616.007 tỷ đồng;
- (5) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 50%;
- (6) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 68%;
- (7) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 95%;
- (8) Lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội trên 25%;
- (9) Đến năm 2030, có 14 bác sĩ/01 vạn dân và 34 giường bệnh/01 vạn dân;
- (10) Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt chuẩn đến năm 2030 đạt 89,5%;
- (11) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định từ 6,64 - 6,89%;
- (12) 100% chất thải sinh hoạt tại đô thị và trên 80% tại nông thôn được thu gom và xử lý; 100% chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý tập trung;
- (13) Số nhà ở xã hội hoàn thành đến năm 2030 là 9.800 căn;
- (14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đến năm 2030 trên 79%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 47%, tổng số lao động được hỗ trợ tạo việc làm hàng năm 40.000 người; duy trì tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi dưới 3%;
- (15) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đến năm 2030 thuộc top 20 cả nước;
- (16) Tỷ lệ đảng viên, tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm trên 90%; kết nạp đảng 18.000 đảng viên trở lên. Các tổ chức chính trị - xã hội tập hợp quần chúng vào tổ chức từ 60% trở lên.

IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thực hiện Một Phương châm “An Giang - Một tầm nhìn - Một hành động - Một niềm tin”

Hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân cùng chung sức, chung lòng, phát huy sức mạnh hợp nhất, xây dựng tỉnh phát triển bền vững. Cùng chia sẻ một tầm nhìn rõ ràng, cùng hành động nhất quán và giữ vững niềm tin vào tương lai, vào định hướng chiến lược đã chọn.

2. Ưu tiên phát triển Hai trục kết nối

(i) Trục dọc nội vùng: Đây là tuyến dọc xương sống để thúc đẩy phát triển kinh tế tổng hợp, để các địa bàn trọng tâm khác kết nối, phát triển - hướng đến kết nối với Hà Tiên, Phú Quốc. Nâng cấp quốc lộ 80 nối 2 đô thị Long Xuyên, Rạch Giá; tiến tới đầu tư tuyến cao tốc mới kết nối Long Xuyên, Rạch Giá. Nâng cấp phát triển tuyến quốc lộ N1 kết nối Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc.

(ii) Trục ngang cao tốc: Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: Tuyến ngang kết nối với các tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, hướng ra cảng Trần Đề. Đây chính là tuyến khơi dậy nguồn lực, kết nối An Giang với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Vương quốc Cam-pu-chia. Nâng cấp cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, đồng thời phát triển tuyến song song Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

3. Tập trung thực hiện Ba lĩnh vực trọng tâm

Một là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu có đức, có tài, ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Hai là, phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Tập trung các lĩnh vực kinh tế trọng tâm gồm: Phát triển dịch vụ du lịch An Giang trở thành thương hiệu mạnh quốc gia và quốc tế. Phát triển công nghiệp, nông nghiệp gắn với chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển kinh tế biên mậu, kinh tế biên. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Ba là, phát triển văn hóa, con người An Giang đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của người dân.

4. Xây dựng và củng cố Bốn trụ cột phát triển

(i) Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của toàn bộ nền kinh tế; trong đó đẩy mạnh ứng dụng

khoa học công nghệ vào nông nghiệp, công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị ngành nông nghiệp.

(ii) Phát triển kinh tế tư nhân. Thu hút các doanh nghiệp tư nhân lớn vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào vùng tứ giác Long Xuyên và Đặc khu Phú Quốc.

(iii) Hoàn thiện thể chế phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của bộ máy. Nhanh chóng hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh tỉnh mới.

(iv) Tăng cường hội nhập, hợp tác, liên kết vùng - quốc tế: *Một là*, liên kết với Vương quốc Cam-pu-chia qua phát triển kinh tế cửa khẩu. *Hai là*, liên kết với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh qua các cao tốc và đường thủy, đường hàng không. *Ba là*, phát triển kinh tế biển ra biển tây với sự dẫn dắt của Phú Quốc - Rạch Giá - Hà Tiên.

5. Thúc đẩy phát triển Năm Vùng động lực trọng điểm

(i) Rạch Giá: Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế tổng hợp, kinh tế công nghiệp, kinh tế biển. Với vị trí chiến lược, nằm trên trục giao thông nối liền các tuyến huyết mạch như Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Rạch Giá có điều kiện thuận lợi để phát triển đồng bộ các lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ và kinh tế biển. Không chỉ là nơi tập trung các cơ quan hành chính, trung tâm giáo dục, y tế và dịch vụ chất lượng cao mà còn phát triển công nghiệp và logistics của tỉnh. Bên cạnh đó, với hệ thống cảng biển, bến tàu kết nối Phú Quốc, tiềm năng khai thác, nuôi trồng thủy sản và phát triển dịch vụ hậu cần biển, Rạch Giá có điều kiện để đẩy mạnh kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững.

(ii) Phú Quốc: Kinh tế du lịch dịch vụ tổng hợp tầm quốc gia, quốc tế. Với vị trí chiến lược nằm gần các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực Đông Nam Á và nằm trên tuyến hàng hải quốc tế, Phú Quốc có lợi thế lớn về giao thương, du lịch và kết nối quốc tế. Hạ tầng giao thông ngày càng đồng bộ với sân bay quốc tế, cảng biển hiện đại và mạng lưới đường bộ hoàn chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, Phú Quốc có hệ sinh thái tự nhiên phong phú, bãi biển đẹp, rừng nguyên sinh... rất phù hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái và vui chơi giải trí đẳng cấp cao.

(iii) Long Xuyên: Khu vực kinh tế tổng hợp năng động, với thế mạnh nổi bật là công nghiệp chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Với vai trò là đầu mối giao thương trong vùng Tứ giác Long Xuyên, Long Xuyên đang từng bước hình thành chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với vùng nguyên liệu lớn và hệ thống logistics ngày càng hoàn thiện. Đặc biệt, Long Xuyên có lợi thế về kết nối hạ tầng khi vừa nằm dọc theo các tuyến đường thủy quan trọng, vừa được hưởng lợi trực tiếp từ tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và khả năng tiếp cận sân bay quốc tế Cần Thơ. Sự kết nối thuận tiện này không chỉ giúp Long Xuyên mở rộng không gian kinh tế mà còn tạo điều kiện để

hướng mạnh về các trung tâm kinh tế lớn như Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó, Long Xuyên có thể đóng vai trò là đầu tàu trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh An Giang, thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, dịch vụ logistics và thương mại phát triển mạnh mẽ theo hướng hiện đại, bền vững và hội nhập.

(iv) Châu Đốc: Trung tâm du lịch và kinh tế biên mậu. Với hệ thống sông ngòi - kênh rạch dày đặc cùng di sản văn hóa đặc sắc, Châu Đốc là trung tâm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái. Châu Đốc còn là điểm giao thương quan trọng với Vương quốc Cam-pu-chia thông qua cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, tạo lợi thế phát triển kinh tế biên mậu, thương mại và dịch vụ logistics. Nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản, hàng tiêu dùng từ nội địa có thể được xuất khẩu sang thị trường Vương quốc Cam-pu-chia và ngược lại. Đặc biệt, tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng kết nối với Cảng biển Trần Đề sẽ mở rộng đáng kể không gian giao thương, giúp giảm chi phí logistics, rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Châu Đốc ra biển và đến các trung tâm kinh tế lớn.

(v) Hà Tiên: Trung tâm kinh tế biển - du lịch - thương mại biên giới. Hà Tiên có tiềm năng trở thành trung tâm kinh tế biển - du lịch - thương mại biên giới quan trọng của vùng Tây Nam bộ, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập kinh tế quốc tế. Với vị trí địa lý chiến lược, giáp Vương quốc Cam-pu-chia và gần các tuyến hàng hải quốc tế, Hà Tiên đóng vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long với các nước ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ thương mại biên mậu, logistics.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả sáu danh mục chương trình, đề án, dự án trọng tâm

(i) Đề án rà soát quy hoạch: Tập trung điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng khoa học, có tầm nhìn chiến lược, rà soát, xác định không gian, động lực phát triển của tỉnh. Đồng thời, đồng bộ với các quy hoạch ngành; quy hoạch phát triển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - Quy hoạch biển quốc gia.

(ii) Đề án phát triển Tứ giác Long Xuyên, Đặc khu Phú Quốc, kinh tế cửa khẩu: Chú trọng cơ chế chính sách đặc thù để phát huy các lợi thế của các địa bàn. Đồng thời, hiện thực hóa các đề án phát triển đặc khu Phú Quốc. Đề án phát triển kinh tế biển An Giang trở thành địa bàn trọng tâm của kinh tế biển quốc gia. Trong đó, chú trọng đặc biệt với trọng tâm tam giác: Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc. Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh An Giang theo hướng nâng cao giá trị, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Xây dựng đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

(iii) Đề án phát triển kinh tế tư nhân: Thu hút các doanh nghiệp tư nhân đến đầu tư vào An Giang. Xây dựng và đưa vào vận hành Chương trình thu hút các doanh nghiệp chiến lược đầu tư vào Phú Quốc và Tứ giác Long Xuyên.

(iv) Chương trình phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh An Giang: Nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Cảng Trần Đề; tập

trung nâng cấp cao tốc Vàm Cống - Rạch Sỏi; đẩy nhanh triển khai cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu. Nâng cấp tuyến đường Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc và hướng về Tiền Giang - Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng chương trình phát triển đô thị, đặc biệt là các đô thị TOD dọc theo các tuyến cao tốc và các sân bay Phú Quốc, Rạch Giá.

(v) Đề án phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển mới và bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang.

(vi) Đề án thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

V- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Tập trung phát triển kinh tế biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia. Chú trọng phát triển du lịch biển, trọng tâm là đặc khu Phú Quốc với cơ chế đặc thù, vượt trội, trở thành đầu tàu, lan tỏa phát triển sang các vùng và các lĩnh vực khác; chú trọng phát triển các đô thị biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cho phát triển kinh tế biển như hạ tầng giao thông, cảng biển; thúc đẩy phát triển nuôi biển.

(2) Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng. *Một là*, hoàn thiện các cao tốc nội tỉnh và liên vùng. *Hai là*, nâng cấp sân bay Phú Quốc, Rạch Giá đáp ứng yêu cầu mới. *Ba là*, phát triển các cảng biển và cảng sông đa năng, phục vụ logistics, xuất nhập khẩu và du lịch.

(3) Đột phá ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, tập trung vào chính quyền số (phục vụ Nhân dân; phục vụ lãnh đạo, điều hành) và kinh tế số (phục vụ sản xuất kinh doanh, chú trọng công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản). Thực hiện phân quyền, phân cấp mạnh gắn với mô hình “tỉnh đa trung tâm” và chính quyền số.

Ba đột phá cần được dẫn dắt bởi bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, thực hiện tốt nhiệm vụ, có quyết tâm chính trị cao, sự đồng thuận và đoàn kết toàn hệ thống nhằm đưa An Giang phát triển đột phá, thực chất và bền vững.

VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

(1) *Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”*

Đẩy mạnh thực hiện dân chủ cơ sở, đảm bảo Nhân dân tham gia xây dựng, phản biện chính sách theo nguyên tắc “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tăng cường đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, nhất là tại các vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với Nhân dân và giải quyết kịp thời những yêu cầu chính đáng của Nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động quần chúng hướng tới sự đồng thuận, khơi dậy khát vọng phát triển, trí tuệ, trách nhiệm của Nhân dân. Khuyến khích người dân góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, lấy ý kiến Nhân dân; phát triển chính quyền số, nâng cao minh bạch, trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức công dân trong phát triển tỉnh bền vững, dân chủ và đồng thuận.

(2) Phát huy truyền thống, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng; tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tôn giáo, địa bàn trong tỉnh. Tập trung ý chí, nguyện vọng của Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, người dân thực hiện phương châm “An Giang - Một tâm nhìn - Một hành động - Một niềm tin”, đưa tỉnh An Giang phát triển cùng cả nước trong kỷ nguyên mới.

Tôn trọng sự đa dạng văn hóa, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, lắng nghe, giải quyết kịp thời kiến nghị chính đáng của người dân. Đổi mới phương thức vận động Nhân dân, phát huy vai trò người có uy tín, trí thức, chức sắc tôn giáo và kiều bào An Giang trong xây dựng quê hương.

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội. Nâng cao chất lượng Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân; củng cố mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với Nhân dân, theo phương châm: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, vì dân”.

1.2. Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

(1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ, bản lĩnh chính trị và vai trò nêu gương, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong toàn đảng bộ. Kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Nâng cao nhận thức về đường lối, quan điểm của Đảng trong tình hình mới.

Kiên định thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Nâng cao tính chuyên nghiệp, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực thi công vụ phụng sự. Kiên quyết đấu tranh phòng chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, bè phái, cục bộ.

(2) Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời, hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục và sức thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng cơ quan Báo và Phát thanh-Truyền hình tỉnh trở thành trung tâm truyền thông đa phương tiện; xây dựng Trường Chính trị Tôn Đức Thắng đạt chuẩn mức 2. Chủ động dự báo, nắm chắc tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội để định hướng dư luận, tạo đồng thuận trong toàn Đảng bộ, toàn dân.

Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo tăng cường công tác nắm bắt tình hình thực tế, tăng cường đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; kiên quyết phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng. Gắn chặt công tác tư tưởng với nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện, củng cố niềm tin và khơi dậy khát vọng phát triển tỉnh trong thời kỳ mới.

(3) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng, tính cấp bách của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ phụng sự. Đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; người chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nghiêm túc tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đoàn kết nội bộ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị với trọng tâm là kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, chấp hành nghiêm túc Quy định về những điều đảng viên không được làm.

(4) Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là người đứng đầu

Tiếp tục tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ. Quan tâm công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên bảo đảm chất lượng, gắn với tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Lựa chọn, bố trí đúng người thật sự có đức, có tài, liêm chính, tâm huyết; thật sự vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Thực hiện tốt, kịp thời công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới.

(5) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm có trọng tâm, trọng điểm. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ, tập trung ở những địa bàn, lĩnh vực có vấn đề dư luận quan tâm, dễ phát sinh tiêu cực.

Thường xuyên sâu sát địa bàn; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa ủy ban kiểm tra với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, trong kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ diện cấp ủy quản lý. Thường xuyên kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

(6) Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân, hiệu quả; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị về phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng Đảng, chính quyền. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính sách, pháp luật. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ người có uy tín trong tuyên truyền, vận động, đối thoại, lắng nghe và giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Nâng cao chất lượng phong trào “Dân vận khéo”, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Quan tâm đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ dân vận tinh gọn, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

(7) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở các cấp, các ngành, trong đó đề cao vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; tăng cường công tác phòng ngừa, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tập trung kiểm tra, giám sát, thanh tra những nơi có vấn đề phức tạp, nhiều dư luận, đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, quản lý, giám sát chặt chẽ cán bộ, đảng viên; khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, làm việc cầm chừng đồng thời có phương án xử lý trụ sở dôi dư và các công trình, dự án phải dừng lại, tránh lãng phí trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương hai cấp. Phát huy vai trò của xã hội và hệ thống chính trị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục giám sát, làm rõ nguyên nhân để có hướng xử lý các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí; đồng thời áp dụng đồng bộ các biện pháp, xử lý nghiêm sai phạm (nếu có), xem xử lý về hình sự là biện pháp cuối cùng.

(8) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, quản trị

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; tăng cường tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên. Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, nêu gương; tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ phụng sự.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chống tha hóa quyền lực. Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng. Triển khai thực hiện chuyển đổi số tập trung, đồng bộ, thống nhất trong các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

1.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp, hiện đại của quản lý nhà nước

(1) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế đúng quy định và phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp, bảo đảm thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân. Lãnh đạo, tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm minh bạch trong tổ chức và hoạt động. Quyết liệt cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc, đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản trị công vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã - nơi trực tiếp tiếp xúc và phục vụ người dân.

(2) Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và cải cách tư pháp

Tiếp tục kiện toàn tổ chức thanh tra các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ và đầu tư công. Tăng cường tiếp công dân định kỳ và đột xuất của người đứng đầu, đẩy mạnh đối thoại, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài. Ứng dụng công

nghệ số trong quản lý, số hóa hồ sơ, minh bạch thông tin phục vụ người dân. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và Nhân dân trong phát hiện, phản ánh, đấu tranh phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý hồ sơ, theo dõi thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên nền tảng số, kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành.

Kiến toàn tổ chức bộ máy tư pháp theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phù hợp với địa bàn hành chính mới. Nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng. Đẩy mạnh cải cách tư pháp gắn với cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ số. Thiết lập cơ chế giám sát độc lập, nâng cao trách nhiệm giải trình, bảo đảm quyền tiếp cận công lý, dịch vụ pháp lý cho người dân, nhất là đối tượng yếu thế.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững

(1) Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế chính sách, tạo đột phá trong huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Vận dụng có hiệu quả cơ chế, chính sách của Trung ương; triển khai thực hiện hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế, đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số. Đồng thời xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương để phát triển các ngành kinh tế trọng điểm: Kinh tế biển, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp, thủy sản quy mô lớn, các sản phẩm giá trị gia tăng cao; kinh tế biên mậu; thương mại và dịch vụ logistics đa ngành, năng lực tái tạo.

(2) Đẩy mạnh công tác lập và phê duyệt các quy hoạch để phát triển kinh tế nhanh và bền vững

Tập trung tối đa nguồn lực nhằm rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo hướng đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh kiến tạo các không gian phát triển mới, tận dụng tối đa tiềm năng và lợi thế đặc thù của từng vùng, từng địa bàn trong tỉnh. Ưu tiên quy hoạch các khu vực trọng điểm như đặc khu, vùng ven biển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm nhà máy chế biến, cửa khẩu, các khu du lịch trọng điểm và khu đô thị mới. Đồng thời, chú trọng quy hoạch phát triển không gian ngầm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị hiện đại như cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, giao thông và viễn thông - nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

2.2. Cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh sẵn có; đồng thời xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng, thúc đẩy liên kết để phát triển

(1) Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới

Thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ, giải pháp đề đến năm 2030 cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và giảm khu vực nông nghiệp. Tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp theo chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, tập trung vào các sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản, rau màu, cây ăn trái, cùng với chăn nuôi gia súc và dược liệu. Ứng dụng công nghệ cao, giảm phát thải, giảm giá thành, nâng cao giá trị, trở thành trung tâm lúa gạo, thủy sản và dược liệu của vùng⁽²⁸⁾.

Khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững; tổ chức lại hoạt động khai thác vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa. Tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Nuôi biển theo hướng hiện đại, bền vững gắn với các ngành kinh tế biển khác, bảo vệ môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh; hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nghề cá tại các ngư trường, hải đảo. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; tập trung đổi mới mô hình, chất lượng tăng trưởng công nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu; tập thu hút các ngành, lĩnh vực công nghiệp thâm dụng vốn và công nghệ, tăng trưởng xanh; hạn chế các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng như: dự án năng lượng tái tạo, nhất là dự án điện mặt trời trên khu vực nuôi trồng thủy sản, khu vực bãi bồi ven biển, dự án điện gió gần bờ, dự án điện sinh khối và điện rác. Xây dựng cụm liên kết ngành chế biến lương thực - thực phẩm, phát triển ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên cơ sở khai thác hợp lý thế mạnh về dược liệu của tỉnh, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy hải sản. Phát triển hệ thống các hợp tác xã sản xuất, dịch vụ và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp sản xuất phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

Phát triển kinh tế số vận hành chủ yếu dựa trên nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số, internet vạn vật (IoT) vào tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là giao dịch điện tử trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, logistics, tài

²⁸ Trong đó, tập trung sản xuất nâng cao giá trị gia tăng thông qua phát triển công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu theo tiêu chuẩn của thế giới.

chính - ngân hàng.

(2) Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biên mậu

Tập trung nguồn lực và thu hút đầu tư phát triển khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang trở thành đầu mối giao thương quan trọng, trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước Tiểu vùng sông Mê Kông, đặc biệt trong quan hệ với Cam-pu-chia. Đẩy mạnh công tác lập, tích hợp, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang (bao gồm tích hợp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hà Tiên) theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Triển khai Kế hoạch vận hành cửa khẩu quốc gia Khánh Bình sau khi thành cửa khẩu quốc tế Khánh Bình, cửa khẩu chính Giang Thành, mở cửa khẩu phụ Khánh An và Vĩnh Gia. Tiếp tục triển khai lập hoàn thành các quy hoạch phân khu các khu chức năng, đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng Khu kinh tế cửa khẩu Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Khánh Bình và Hà Tiên để kêu gọi nhà đầu tư vào đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương kinh tế và giao lưu Nhân dân giữa hai nước Việt Nam - Vương quốc Cam-pu-chia.

(3) Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển mạnh quốc gia. Xây dựng trung tâm nghề cá lớn, trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển, hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch không gian biển quốc gia, phát triển mạnh các ngành kinh tế biển. Phát huy thế mạnh về biển bồi đắp thực hiện các công trình, dự án lấn biển tạo quỹ đất phát triển đô thị hướng biển. Phát triển kinh tế tại các đảo kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng cho một số đảo trọng điểm, có dân cư sinh sống. Phát triển Phú Quốc thành trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế.

Biển Tây kết hợp điện gió, nuôi biển công nghệ cao, chế biến sâu hình thành chuỗi giá trị thủy sản bền vững. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ những ngành kinh tế biển mới, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu về biển, đảo; nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển.

(4) Phát triển kinh tế tư nhân

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị nhận thức được đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững. Khơi thông các nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên; mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, cảng biển, logistics đa ngành, nuôi biển

công nghệ cao, năng lượng tái tạo, các khu cụm công nghiệp, nông nghiệp quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh. Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực.

(5) Đầu tư hạ tầng, đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác giữa các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội

Kiến nghị Trung ương đầu tư các tuyến giao thông kết nối trọng điểm, thúc đẩy liên kết vùng; đồng thời huy động, khơi thông các nguồn lực theo hướng “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để triển khai các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm kết nối vùng và liên vùng, tạo không gian phát triển mới; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu thúc đẩy kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh, các công trình nhà ở xã hội. Chú trọng hạ tầng phòng, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hạn mặn.

Đầu tư phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, đặc biệt, trục hành lang kinh tế Châu Đốc - Long Xuyên; hành lang kinh tế biên giới; hành lang dọc sông Tiền - sông Hậu... kết nối với cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, các công trình kết nối đường ven biển, tuyến cao tốc, quốc lộ; các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đầu tư giao thông kết nối các địa phương và xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường hiện hữu giao thông nông thôn. Phối hợp Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan triển khai các công trình giao thông quốc gia đi qua địa bàn tỉnh²⁹. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng đường thủy nội địa, hạ tầng hàng hải và hàng không; đặc biệt là khẩn trương hoàn thành nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cảng biển An Thới, Cảng Hòn Chông...

Phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu đô thị, khu du lịch... đảm bảo kết nối thông suốt, đồng bộ và liên kết vùng hiệu quả. Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, hạ tầng chuyển đổi số tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Thúc đẩy các hoạt động hợp tác liên kết với các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các Diễn đàn hợp tác kinh tế như Mekong Connect, xúc tiến thương mại và đầu tư. Đẩy mạnh liên kết thị trường, doanh nghiệp theo mô hình sản xuất mới, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm đặc trưng, kết nối đầu tư - kinh doanh, thương mại, dịch vụ, thực hiện hiệu quả Quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Quy hoạch tổng thể quốc gia.

²⁹ Như: Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (đoạn qua tỉnh An Giang dài 136km); tuyến tránh Quốc lộ 63; tiếp tục thi công hoàn thành đường Hồ Chí Minh (đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt, Gò Quao - Vĩnh Thuận); các tuyến kết nối liên vùng: đường bộ ven biển kết nối tỉnh An Giang với tỉnh Cà Mau và nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh qua Tân Hiệp và Giồng Riềng nối Thới Lai thuộc thành phố Cần Thơ; cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 80 (Đoạn Rạch Giá - Ba Hòn dài 65 km); Quốc lộ N1 (dài 40km); tuyến đường kết nối Rạch Giá - Long Xuyên; Dự án đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm Hà Tiên; Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển phía Tây đảo Phú Quốc và Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - Rạch Giá

2.3. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để đột phá phát triển

(1) Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh

Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động của Trung ương và tỉnh; tập trung vào các ngành kinh tế trọng điểm như kinh tế biển, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dược liệu, thương mại - dịch vụ, du lịch và chuyển đổi số. Tiếp tục hoàn thiện, thực thi hiệu quả chính sách thu hút đầu tư địa phương; khai thác tối đa cơ chế, chính sách hỗ trợ từ Trung ương, phát triển khoa học công nghệ lấy doanh nghiệp làm trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ; nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất - kinh doanh, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

(2) Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu một trụ cột phát triển

Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, gắn với chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và khu vực tư nhân, nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý, cung ứng dịch vụ và năng lực cạnh tranh. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

(3) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu là một trụ cột phát triển

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ; xây dựng trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm tập trung; mở rộng phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ phân tích, kiểm nghiệm các mặt hàng chủ lực như lúa gạo, thủy sản, trái cây, dược liệu. Phát triển Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm khoa học. Nâng cấp Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kết nối với các tổ chức khoa học trong và ngoài tỉnh.

Đầu tư hiệu quả cho Chương trình chuyển đổi số tỉnh; thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ thông tin tập trung. Ưu tiên chuyển đổi số trong y tế, giáo dục, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp hạ tầng viễn thông, mở rộng mạng cáp quang, 5G, 6G, phát triển năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển bền vững.

(4) Phát triển nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển - biên giới. Triển khai các chính sách của Trung ương, nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù của địa phương để thu hút sinh viên

theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, ưu tiên thu hút chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư các trường Trung học phổ thông theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị. Thu hút các nhà khoa học, các doanh nghiệp khoa học công nghệ đến làm việc, sinh sống tại An Giang để đưa tỉnh An Giang trở thành trung tâm khoa học công nghệ ứng dụng và đổi mới sáng tạo vùng Tây Nam bộ.

(5) Tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực khoa học công nghệ và chuyển đổi số làm nền tảng cho mô hình phát triển kinh tế

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các địa phương, quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu

Triển khai các chương trình, đề án phòng, chống suy giảm đa dạng sinh học; bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; bảo vệ giống loài, nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học. Khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, biển, khoáng sản, thủy sản; phát triển dịch vụ hệ sinh thái biển, đảo, đất liền ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố hạ tầng phòng, chống thiên tai; tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, quản lý, sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên.

Tăng cường quản lý môi trường, ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái đa dạng sinh học. Đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn tại đô thị, khu/cụm công nghiệp, làng nghề; giảm ô nhiễm rác thải nhựa, chấm dứt chôn lấp rác vào năm 2030. Chủ động phòng, chống thiên tai, hạn mặn, sạt lở, sụt lún đất.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Phát huy mạnh mẽ giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang trong giai đoạn mới

(1) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, tạo động lực mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Xây dựng, hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các chính sách phát triển văn hóa, để văn hóa thực sự là mục tiêu, nguồn lực nội sinh, động lực để tỉnh An Giang phát triển hài hòa; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Hoàn thiện, triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, thu hút đầu tư về giáo dục và đào tạo, y tế để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hội nhập quốc tế.

(2) Xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong xã hội, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch

Khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, khát vọng phát triển; phát huy bản sắc văn hóa, tình làng nghĩa xóm; xây dựng môi trường và nếp sống văn hóa, văn minh. Xây dựng văn hóa, con người An Giang thống nhất trong đa dạng; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, tạo sinh kế, góp phần xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc, miền núi, cộng đồng dân cư ven biển và các đảo.

Bảo tồn, khai thác hiệu quả giá trị các di sản văn hóa, lễ hội truyền thống tiêu biểu như Vía Bà Chúa Xứ núi Sam, đua bò Bảy Núi, Óc Eo - Ba Thê, kênh Vĩnh Tế, lễ hội Ok Om Bok, ngày hội văn hóa dân tộc Chăm, Khmer, cùng các khu di tích lịch sử đặc biệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(3) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người An Giang toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại

Xây dựng thể hệ nông dân chuyên nghiệp với tư duy kinh tế, tinh thần hợp tác và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu cơ cấu lại kinh tế của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển đội ngũ doanh nhân cả về số lượng và chất lượng, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong nền kinh tế tri thức. Hình thành đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm, gương mẫu, dám đổi mới, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với thách thức và hành động vì lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

(4) Đẩy mạnh đầu tư các thiết chế văn hóa làm nền tảng cho phát triển công nghiệp văn hóa

Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, các thiết chế văn hóa; xây dựng không gian văn hóa ở các địa bàn trung tâm; xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị văn hóa con người An Giang.

Đầu tư nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao, phát triển thể thao thành tích cao. Quản lý chặt chẽ dịch vụ văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng phong trào văn hóa. Rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và chiến lược phát triển thể dục, thể thao giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và xã hội hóa các môn thể thao gắn với du lịch có thể mạnh của tỉnh.

3.2. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, chất lượng nguồn

nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; bảo đảm tiếp cận giáo dục đồng bộ giữa đô thị và nông thôn. Thực hiện chính sách thu hút, phát triển đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhân lực khoa học công nghệ, nhất là trong lĩnh vực chế biến sâu nông - lâm - thủy sản, dược liệu.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, thúc đẩy xã hội học tập, phổ cập phong trào “Bình dân học vụ số”, tiến đến “phát triển thể hệ trẻ An Giang số”, khuyến học, khuyến tài. Nâng cao hiệu quả thiết chế giáo dục cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ người yếu thế tham gia học tập suốt đời. Sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp; khuyến khích mô hình trường học số, thông minh; nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo. Đặc biệt lưu ý đầu tư cho giáo dục tại các địa bàn các đảo như Thổ Châu, quần đảo Tiên Hải, các xã biên giới...

3.3. Quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân; bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh con người

(1) Quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng y tế

Phát triển hệ thống y tế hiện đại, kết hợp hài hòa giữa chăm sóc sức khỏe ban đầu với y tế chuyên khoa, chuyên sâu; giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giữa y học cổ truyền với y học hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển đổi số ngành y tế; triển khai sơ khám sức khỏe điện tử; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, ứng dụng kỹ thuật cao, hướng tới dịch vụ y tế chất lượng cao.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại; tranh thủ ngân sách, vốn ODA; thu hút đầu tư bệnh viện tiêu chuẩn quốc tế phục vụ du lịch y tế. Thực hiện tốt Đề án phát triển mạng lưới y tế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn, y đức. Tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng bảo hiểm y tế; phát triển các cơ sở khám chữa bệnh chuyên khoa sâu và tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, thân thiện môi trường.

(2) Thực hiện bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân

Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo đa chiều bền vững, chính sách cho người có công, gia đình chính sách theo hướng toàn diện, bao trùm theo quan điểm chỉ đạo “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Chú trọng bảo trợ xã hội đối với các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, các chính sách bình đẳng giới. Hỗ trợ phát triển vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đổi mới công tác đào tạo nghề cho ngư dân, lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, ngư nghiệp và nông thôn. Thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phát triển thị trường lao động theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ và

đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng lao động qua đào tạo.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1. Tăng cường xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, an ninh biên giới quốc gia

Triển khai hiệu quả các nghị quyết, chiến lược quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; gắn phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là ở địa bàn biên giới, biển, đảo và vùng trọng điểm.

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nâng cao sức mạnh chiến đấu, phát triển lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; quan tâm chính sách hậu phương quân đội, công an.

Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới, an ninh mạng, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

4.2. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả, toàn diện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế; triển khai hiệu quả đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường thu hút nguồn lực phục vụ phát triển bền vững của địa phương. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế; nâng cao hiệu quả các hoạt động quảng bá các giá trị văn hóa, hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước, các tổ chức quốc tế, địa phương và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhất là hợp tác với các thị trường tiềm năng. Duy trì, phát triển quan hệ hữu nghị với địa phương các nước bạn đã ký kết, hợp tác. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả ba trụ cột đối ngoại của cấp ủy đảng, ngoại giao chính quyền và đối ngoại nhân dân. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, công tác biên giới lãnh thổ, công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Với quyết tâm chính trị và những động lực, lợi thế mới, không gian phát triển mới, phát huy sức sáng tạo, sức mạnh đại đoàn kết, với tinh thần “*An Giang - Một tầm nhìn - Một hành động - Một niềm tin*”, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, doanh nhân và nhân dân tỉnh An Giang đồng lòng, chung sức, nỗ lực phấn đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, đưa An Giang phát triển nhanh, hài hoà, bền vững, vươn lên cùng cả nước trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG
CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Biểu 1. Các chỉ tiêu chủ yếu kinh tế - xã hội và môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện qua các năm						Ước TH 2025, tăng trưởng 8,5%	Ước TH 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2021-2025 (%)
			2020	2021	2022	2023	2024	7			
A	B	C	2	3	4	5	6	7		8=7/2	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ										
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)										
1.1	Quy mô GRDP theo giá hiện hành										
	Theo nội tệ	Tỷ đồng	185.038,00	194.539,61	216.684,68	240.118,75	269.404,97	298.193,47	1.218.941,48	10,01	
	Theo ngoại tệ	Triệu USD	7.999,57	8.405,25	9.162,14	10.013,71	11.106,28	11.902,98	50.590,37	8,27	
1.2	Quy mô GRDP theo giá hiện hành so với GDP	%	2,30	2,29	2,27	2,33	2,34	2,59			
1.2	Cơ cấu GRDP (Giá hiện hành)	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	37,47	39,10	36,82	36,23	36,53	34,38			
	Công nghiệp và xây dựng	%	16,81	16,47	17,79	17,99	17,62	18,27			

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện qua các năm					Ước TH 2025, tăng trưởng 8,5%	Ước TH 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2021-2025 (%)
			2020	2021	2022	2023	2024			
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	19.418	18.795	19.504	22.134	26.289	26.275	112.997,49	6,55
	Chi ngân sách Nhà nước địa phương	Tỷ đồng	32.165	28.505	31.896	35.631	42.496	50.502	189.029,98	10,07
	Bội chi ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	12.747	9.710	12.392	13.497	16.207	24.227	76.032,50	
	Tỷ lệ thu ngân sách Nhà nước so với GRDP	%	10,49	9,66	9,00	9,22	9,76	8,81		
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	54.575,20	54.173,75	60.519,10	58.539,12	65.567,50	86.936,26	325.735,74	9,76
7	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	29,49	27,85	27,93	24,38	24,34	29,15		
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	34,53	37,4	38,65	38,8	40,13	45,0		
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI									
8	Dân số trung bình	Ngìn người	3.633,40	3.661,83	3.657,27	3.661,60	3.679,24	3.692,65	18.352,59	0,32
	Trong đó: Tỷ lệ dân số thành thị	%	28,44	28,59	29,71	29,76	29,85	29,88		
	Tốc độ tăng dân số	%	3,27	0,78	0,12	0,12	0,44	0,41		
9	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	74,13	74,09	74,08	74,35	74,63	74,65		

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện qua các năm					Ước TH 2025, tăng trưởng 8,5%	Ước TH 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2021-2025 (%)
			2020	2021	2022	2023	2024			
	Năng suất lao động theo giá hiện hành	Tr.đồng/ lao động	100,88	110,42	119,80	133,37	149,48	165,02	678,10	10,34
	Năng suất lao động theo giá so sánh	Tr.đồng/ lao động	64,36	67,20	69,92	74,44	79,34	85,85	376,76	5,93
	Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh	%	8,99	4,41	4,05	6,46	6,57	8,21		
16	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	Bác sỹ	8,98	9,58	9,73	9,87	10,42	11,0		4,15
17	Số giường bệnh trên 10.000 vạn dân	Giường bệnh	28,48	28,98	29,47	29,90	30,85	31,24		1,86
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	89,05	91,07	91,19	92,55	93,18	95,00		1,06
19	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội	%	13,58	13,58	13,95	14,59	16,18	17,64		6,82
20	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	44,82	47,36	49,65	52,11	54,05	60,00		
21	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%	1,90	1,23	2,39	1,70	1,27	0,91		
	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm %	0,76	0,67	0,84	0,69	0,43	0,36		
22	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Ngàn đồng	4.343	3.683	3.952	4.298	4.901	5.313	22.147	4,11

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện qua các năm						Ước TH 2025, tăng trưởng 8,5%	Ước TH 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2021-2025 (%)
			2020	2021	2022	2023	2024				
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	12,14	16,98	18,92	27,84	36,18	13,04			
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	-	-	-	3,70	12,50	11,11			
	Số lượng nhà ở xã hội	Căn nhà	-	833	98	584	1.284	898	3.697		
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	%									
27	Tỷ lệ che phủ rừng	Ha	9,10	9,11	9,06	8,96	8,80	8,35			
28	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	Tấn	83,75	99,77	99,75	99,76	99,76	99,76			
29	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100			
30	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	85,14	87,94	87,56	80,20	92,53	92,00			
31	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	25,00	25,00	50,00	50,00	50,00	50,00			

PHỤ LỤC III
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
				5	6	7	8	9	10		
A	B	C									
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ										
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)										
1.1	Quy mô GRDP theo giá hiện hành										
	- Theo nội lệ	Tỷ đồng	2.228.522,87	334.759,76	381.999,79	429.427,73	497.948,78	584.386,82	14,40	182,82	
	- Theo ngoại lệ	Triệu USD	83.605,84	12.899,19	14.606,91	16.288,41	18.163,37	21.647,97	12,71	165,26	
1.2	Cơ cấu GRDP (Giá hiện hành)	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		31,92	29,29	27,37	24,71	22,07			
	- Công nghiệp và xây dựng	%		20,01	21,35	20,20	20,14	19,99			
	Trong đó: Công nghiệp	%		12,25	12,39	12,88	13,08	13,25			
	- Dịch vụ	%		43,85	45,15	48,14	50,85	53,63			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%		4,22	4,22	4,30	4,31	4,32			
1.3	Quy mô GRDP theo giá so sánh	Tỷ đồng	1.045.271,56	171.900,57	191.155,93	205.818,91	226.507,79	249.888,36	10,00	154,39	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	296.720,12	54.654,19	56.851,29	59.216,31	61.703,39	64.294,93	4,12	120,77	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	244.555,00	37.854,55	45.531,67	47.315,32	53.418,85	60.434,61	14,27	190,60	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	146.745,43	22.551,59	25.386,33	28.816,02	32.729,24	37.262,24	13,10	178,40	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	459.604,32	72.097,88	80.749,62	90.496,10	101.726,67	114.534,05	12,06	168,70	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	44.392,12	7.293,95	8.023,35	8.791,18	9.658,87	10.624,76	9,49	145,20	
2	Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh	%		10,81	11,20	7,67	10,05	10,32			
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	596,83	90,47	102,70	115,07	133,00	155,59	14,02	179,79	
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%		8,00	12,00	18,00	24,00	30,00			
5	Ngân sách Nhà nước									121,60	
	- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	145.000-175.000	25.399-28.686	27.090-31.521	28.904-34.637	30.859-38.064	32.977-41.831	7,71-12,96	128,32-154,87	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
	- Chi ngân sách Nhà nước địa phương	Tỷ đồng	221.485 - 267.452	40.899-49.387	42.432-51.239	44.255-53.440	45.993-55.538	47.906-57.848	-1,05 đến 2,75	117,17-141,49	
	- Bồi chi ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	76.485-92.452	15.500-20701	15.342-19.718	16.161-18.803	15.134-17.474	14.929-16.017	-11,66 đến -10,41	100,60-121,60	
	- Tỷ lệ thu ngân sách Nhà nước so với GRDP	%	6,51-7,85	7,59-8,57	7,09-8,25	6,73-8,07	6,20-7,64	5,64-7,16			
6	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	616.007	108.000	154.050	106.180	117.250	130.527	8,47	189,11	
7	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%		32,26	40,33	24,73	23,55	22,34			
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%		46,00	47,10	48,00	49,15	50,20			
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI										
9	Dân số trung bình	Ngàn người	18.651,61	3.700,271	3.719,615	3.731,830	3.743,945	3.755,949	0,34	101,63	
	Trong đó: Tỷ lệ dân số thành thị	%		25,34	25,34	25,34	25,34	25,34			
	Tốc độ tăng dân số	%		0,21	0,52	0,33	0,32	0,32			
10	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi		74,66	74,68	74,70	74,72	74,75			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
	- Năng suất lao động theo giá hiện hành	Tr.đồng/ lao động	1.182,30	179,22	203,44	227,95	263,47	308,22	13,12	174,36	
	- Năng suất lao động theo giá so sánh	Tr.đồng/ lao động	554,73	92,03	101,80	109,25	119,85	131,80	8,77	147,24	
	- Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh	%		6,30	10,62	7,32	9,70	9,97			
17	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	Bác sỹ		11,60	12,20	12,80	13,40	14,00	4,94		
18	Số giường bệnh trên 10.000 vạn dân	Giường bệnh		31,80	32,35	32,90	33,60	34,00	1,71		
19	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%		95,20	95,35	95,50	95,65	95,80			
20	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội	%		18,47	20,22	21,98	23,74	25,50			
21	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%		61,48	63,50	65,06	67,00	68,02			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%		96,00	96,40	96,80	97,20	98,00			
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%		83,28	85,14	86,99	88,37	89,50			
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%		81,2	84,7	90,6	96,5	100,0			
	Trong đó:										
26	- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%		17,4	29,2	39,0	48,8	52,9			
	- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%		11,1	9,5	13,3	17,5	22,2			
	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Xếp hạng cả nước		34	30	28	24	20			
27	Chỉ số chuyển đổi số DTI	Xếp hạng cả nước		24/34	23/34	22/34	21/34	20/34			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026-2030	Dự kiến kế hoạch thực hiện 2026-2030						Tốc độ tăng bình quân 5 năm 2026-2030 (%)	KH 2026-2030 so với ước TH 2021-2025 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030			
29	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Xếp hạng cả nước		24	23	22	21	20			
30	Số lượng nhà ở xã hội	Căn nhà	6.016	921	1.516	1.458	1.012	1.109	4,31	162,73	
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG										
31	Tỷ lệ che phủ rừng	%		7,90	7,43	7,10	6,90	6,89			
32	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%		99,20	99,40	99,60	99,80	100,00			
33	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			
34	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%		94,00	96,00	98,00	99,00	100,00			
35	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			